

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

Hải Dương, 2018

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Kế toán
Ngành đào tạo	: Kế toán (Accounting)
Mã ngành	: 7340301
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-DHSD, ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển trong lĩnh vực quản trị kinh doanh thời kỳ hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học và khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng để thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và ghi chép các thông tin kinh tế tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

1.2.1.2c. Có kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng tổ chức vận dụng chứng từ, tài khoản kế toán, hình thức kế toán, bộ máy kế toán, báo cáo kế toán theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và quốc tế trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội.

1.2.2.2. Ứng dụng được phần mềm tin học chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ

trong công việc chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Kế toán.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về toán học và khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Phân tích được quy trình tổ chức công tác kế toán để tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

2.1.5. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động kế toán tài chính tại các tổ chức kinh tế.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Lập được chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội khác nhau; phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và Luật kế toán hiện hành.

2.2.2. Lập, kê khai và quyết toán thuế (Thuế GTGT, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân, thuế Xuất nhập khẩu,...).

2.2.3. Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá số liệu và tham mưu về lĩnh vực kinh tế như: kế toán, kiểm toán, tài chính và ngân hàng cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

2.2.4. Ứng dụng thành thạo tin học, các công cụ phục vụ thực hành nghề nghiệp, thiết lập và tổ chức dữ liệu phục vụ công tác kế toán trong thực tế.

2.2.5. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

2.2.6. Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.7. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán.

2.2.8. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kế toán.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến kế toán.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	64	49	15
8.1.1		Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	10	10	0
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	5	5	0
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	8	8	0
4.	KHXXH 101	Tâm lý học đại cương	2	2	0
5.	KHXXH 102	Pháp luật đại cương	2	2	0
6.	KHXXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
7.	KHXXH 103	Soạn thảo văn bản	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)	11	11	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1.3.1		Ngôn ngữ Anh	11	11	0
8.	TANH 201	Tiếng Anh 1	2	2	0
9.	TANH 202	Tiếng Anh 2	2	2	0
10.	TANH 303	Tiếng Anh 3	2	2	0
11.	TANH 304	Tiếng Anh 4	2	2	0
12.	TANH 403	Tiếng Anh ngành Kế toán	3	3	0
8.1.3.2		Ngôn ngữ Trung Quốc	11	11	0
13.	TTRUNG201	Tiếng Trung 1	2	2	0
14.	TTRUNG202	Tiếng Trung 2	2	2	0
15.	TTRUNG303	Tiếng Trung 3	2	2	0
16.	TTRUNG304	Tiếng Trung 4	2	2	0
17.	TTRUNG403	Tiếng Trung 5	3	3	0
8.1.4		Toán học - Tin học	16	14	2
18.	TOAN 181	Toán ứng dụng c1	3	3	0
19.	TOAN 182	Toán ứng dụng c 2	3	3	0
20.	TOAN 241	Xác suất và thống kê	3	3	0
21.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính	3	3	0
22.	TIN 122	Tin học cơ bản 1	2	1	1
23.	TIN 226	Tin học cơ bản 2	2	1	1
8.1.5		Giáo dục thể chất	3	0	3
24.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
25.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
26.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
8.1.6		Giáo dục quốc phòng – An ninh			
27.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng – An ninh	165h (4TC)		
8.1.7		Kỹ năng mềm	12	6	6
		PHẦN BẮT BUỘC	12	6	6
28.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	4	2	2
29.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	4	2	2
30.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	4	2	2
		PHẦN TỰ CHỌN			
		TỰ CHỌN TÙY Ý			
31.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	4	2	2

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	49	40
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	18	14	4
32.	KTOAN 223	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	2	1
33.	MKT 111	Marketing căn bản	2	2	0
34.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1	3	2	1
35.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
36.	KHXX 211	Luật kinh tế	2	2	0
37.	KTOAN 212	Lý thuyết tài chính	2	2	0
38.	TKE 213	Lý thuyết thống kê	3	2	1
8.2.2		Kiến thức ngành	19	13	6
		PHẦN BẮT BUỘC	17	11	6
39.	KTOAN 464	Đề án nguyên lý kế toán A	2	0	2
40.	KTOAN 323	Kế toán quản trị	3	2	1
41.	KIEMT 221	Kiểm toán căn bản	2	2	0
42.	KTOAN 211	Nguyên lý kế toán A	4	3	1
43.	KTOAN 421	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
44.	KTOAN 321	Quản trị tài chính	3	2	1
		PHẦN TỰ CHỌN	2	2	0
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 1 (Chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	2	2	0
45.	KHXX 223	<i>Luật kế toán</i>	2	2	0
46.	KTE221	<i>Thống kê kinh tế</i>	2	2	0
47.	KTOAN 222	<i>Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ</i>	2	2	0
8.2.3		Kiến thức chuyên ngành	35	22	13
		PHẦN BẮT BUỘC	25	14	11
48.	KTOAN 324	Kế toán thuế	4	2	2
49.	KTOAN 348	Kế toán chi phí	2	1	1
50.	TCHINH 341	Thuế	3	2	1
51.	KTOAN 325	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	2	1
52.	KTOAN 326	Kế toán doanh nghiệp A1	3	2	1
53.	KTOAN 327	Kế toán doanh nghiệp A2	3	2	1
54.	KTOAN 422	Kế toán doanh nghiệp A3	4	3	1
55.	KTOAN 423	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất	3	0	3

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		PHẦN TỰ CHỌN	10	8	2
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 2 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	4	4	0
56.	KETOAN 031	<i>Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp</i>	2	2	0
57.	KETOAN 032	<i>Thị trường chứng khoán</i>	2	2	0
58.	KETOAN 033	<i>Bảo hiểm</i>	2	2	0
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 3 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	6	4	2
59.	KTOAN 424	<i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i>	3	2	1
60.	KTOAN 425	<i>Kế toán xây dựng cơ bản</i>	3	2	1
61.	KTOAN 428	<i>Nghiệp vụ kế toán ngân hàng</i>	3	2	1
		TỰ CHỌN TÙY Ý			
62.	KTOAN 465	<i>Đề án kế toán doanh nghiệp</i>	2	0	2
63.	KTE 241	<i>Phân tích hoạt động kinh tế</i>	3	2	1
64.	KTOAN 322	<i>Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ</i>	3	2	1
65.	KTOAN 461	<i>Thực tập chuyên đề</i>	3	0	3
8.2.4		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	17	0	17
66.	KETOAN 403	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	7	0	7
67.	KETOAN 401	<i>Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn)</i>	10	0	10
68.	KTOAN 224	<i>Đề án kế toán thuế</i>	2	0	2
69.	KTOAN 427	<i>Lập báo cáo tài chính</i>	3	3	0
70.	KIEMT 421	<i>Kiểm toán báo cáo tài chính</i>	3	3	0
71.	KTOAN 448	<i>Kế toán ngân sách và tài chính xã</i>	2	2	0
		Tổng (Tín chỉ)	153	98	55

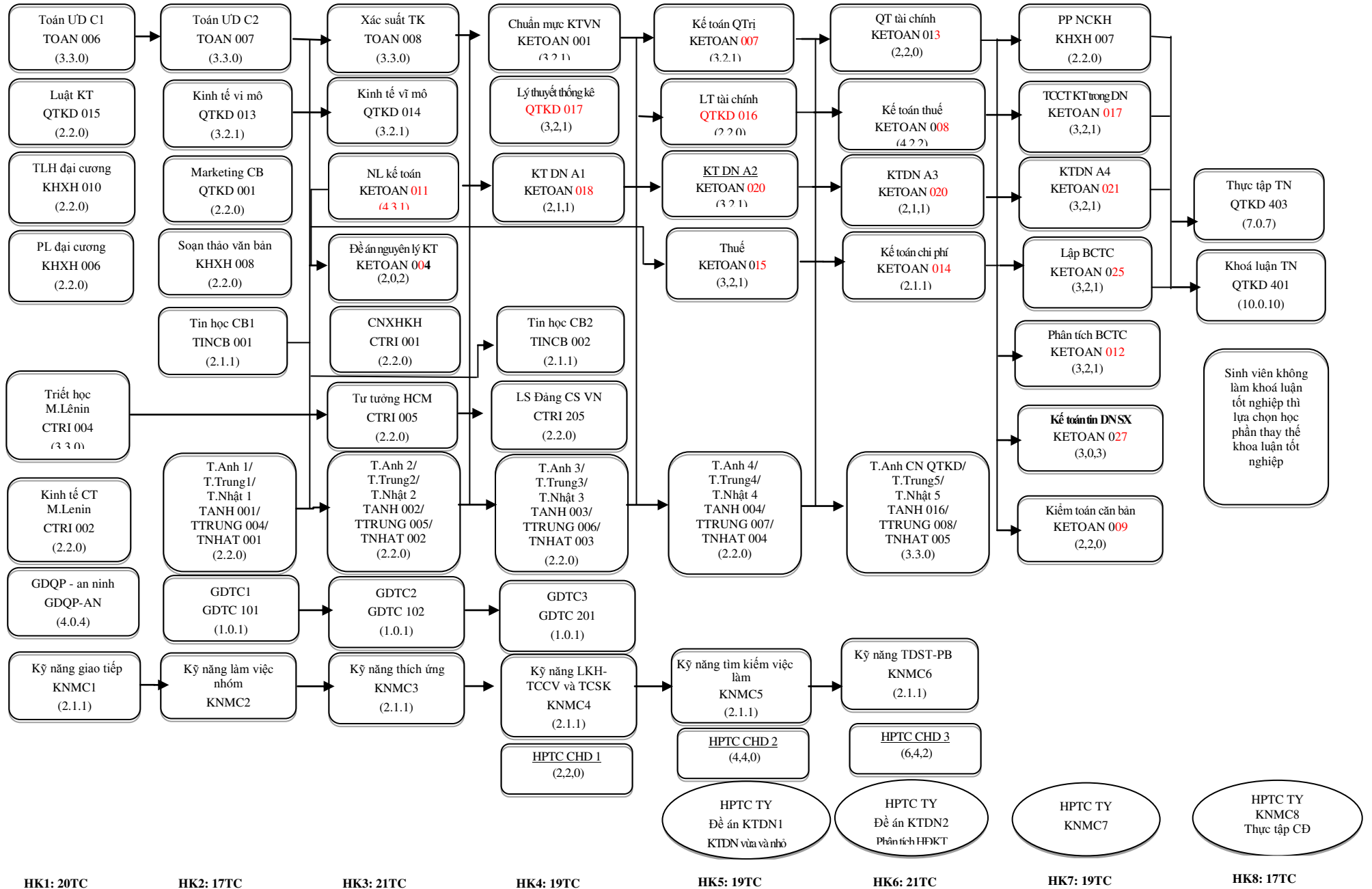
9. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	x														x			
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														x			
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x														x			
4.	KHXH 101	Tâm lý học đại cương	x		x												x			
5.	KHXH 102	Pháp luật đại cương	x														x			
6.	KHXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x														x			
7.	KHXH 103	Soạn thảo văn bản			x		x				x						x			
8.	TANH 201	Tiếng Anh 1			x										x	x				
9.	TANH 202	Tiếng Anh 2			x										x	x				
10.	TANH 303	Tiếng Anh 3			x										x	x				
11.	TANH 304	Tiếng Anh 4			x										x	x				
12.	TANH 403	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán			x										x	x				
13.	TTRUNG201	Tiếng Trung 1			x										x	x				
14.	TTRUNG202	Tiếng Trung 2			x										x	x				
15.	TTRUNG303	Tiếng Trung 3			x										x	x				
16.	TTRUNG304	Tiếng Trung 4			x										x	x				
17.	TTRUNG403	Tiếng Trung 5			x										x	x				
18.	TOAN 181	Toán ứng dụng C1			x						x						x			
19.	TOAN 182	Toán ứng dụng C 2			x						x						x			
20.	TOAN 241	Xác suất và thống kê			x						x						x			
21.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính			x						x						x			
22.	TIN 121	Tin học cơ bản 1		x							x						x			
23.	TIN 222	Tin học cơ bản 2		x							x						x			
24.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	x														x			
25.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	x														x			
26.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	x														x			
27.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng – An ninh																		
28.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2																		
29.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4																		

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
30.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6																		
31.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8																		
32.	KTOAN 223	Chuẩn mực kế toán Việt Nam				x							x	x				x	x	x
33.	MKT 111	Marketing căn bản			x													x		
34.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1			x		x											x		
35.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô			x		x											x		
36.	KHXH 211	Luật kinh tế			x													x		
37.	KTOAN 212	Lý thuyết tài chính			x						x							x	x	
38.	TKE 213	Lý thuyết thống kê			x													x		
39.	KTOAN465	Đề án Nguyên lý kế toán A			x	x	x	x	x						x	x		x	x	x
40.	KTOAN 323	Kế toán quản trị					x	x	x		x					x		x	x	
41.	KIEMT 221	Kiểm toán căn bản					x									x		x		
42.	KTOAN 211	Nguyên lý kế toán A				x								x	x			x	x	x
43.	KTOAN 421	Phân tích báo cáo tài chính			x						x					x		x	x	
44.	KTOAN 321	Quản trị tài chính			x		x	x			x							x	x	
45.	KHXH 223	Luật kế toán				x	x							x	x			x	x	x
46.	KTE221	Thống kê kinh tế					x											x		x
47.	KTOAN 222	Kế toán DN thương mại & dịch vụ				x			x			x		x	x			x	x	x
48.	KTOAN 324	Kế toán thuế			x				x	x				x	x			x	x	x
49.	KTOAN 348	Kế toán chi phí			x			x				x		x	x			x	x	x
50.	TCHINH 341	Thuế			x					x					x			x	x	
51.	KTOAN 325	Tổ chức công tác kế toán trong DN				x	x	x	x			x	x	x	x			x	x	x
52.	KTOAN 326	Kế toán doanh nghiệp A 1				x		x	x			x		x	x			x	x	
53.	KTOAN 327	Kế toán doanh nghiệp A 2				x		x	x			x		x	x			x	x	
54.	KTOAN 422	Kế toán doanh nghiệp A 3				x		x	x			x		x	x			x	x	
55.	KTOAN 423	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất			x	x		x	x			x						x	x	
56.	KTOAN 328	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp				x		x	x			x				x		x	x	
57.	TCHINH 322	Thị trường chứng khoán			x						x							x		
58.	TCHINH 353	Bảo hiểm			x							x						x		
59.	KTOAN 424	Kế toán hành chính sự nghiệp				x			x								x		x	
60.	KTOAN 425	Kế toán xây dựng cơ bản				x		x	x			x					x		x	
61.	KTOAN 428	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng				x		x	x								x		x	

ST T	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
62.	KTOAN465	Đề án Kế toán doanh nghiệp			x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	
63.	KTE 241	Phân tích hoạt động kinh tế			x	x		x			x						x			
64.	KTOAN 322	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ				x			x					x	x		x	x	x	
65.	KTOAN 461	Thực tập chuyên đề				x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
66.	KTOAN 403	Thực tập tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
67.	KTOAN 401	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
68.	KTOAN 224	Đề án kế toán thuế				x			x	x	x				x		x	x		
69.	KTOAN 427	Lập báo cáo tài chính			x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		
70.	KIEMT 421	Kiểm toán báo cáo tài chính				x									x		x			
71.	KTOAN 448	Kế toán ngân sách và tài chính xã				x			x			x			x		x			

V. Tiến trình đào tạo



11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – HỆ ĐẠI HỌC

11.1. Mô tả các học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ngoài chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, học phần còn được cấu trúc thành 3 phần với 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát về những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; Phần thứ hai có 3 chương trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có hai chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Thông qua học phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương, giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung, quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ và vai trò lãnh đạo của Đảng qua mỗi thời kỳ lịch sử, đặc biệt thời kỳ đổi mới đất nước. Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng vào công tác thực tiễn trong quá trình học tập và công việc của bản thân. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

4. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm những nội dung cơ bản: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của

tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người, có thái độ đúng đắn trong việc giải quyết mọi mặt đời sống xã hội.

5. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động,... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

6. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

7. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

8. Tiếng Anh 1

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được,

các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like,... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi,...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Kỹ năng: Học phân luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

9. Tiếng Anh 2

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Lễ hội, khoa học, công nghệ, công việc, văn hóa,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị,...

Kỹ năng: Học phân luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

10. Tiếng Anh 3

Học phần gồm 7 bài học được chia thành 7 chủ điểm. Mỗi chủ điểm tập trung luyện tập 1 hiện tượng ngữ pháp, từ vựng khác nhau tập trung vào các nội dung chính: nhóm từ cùng chủ đề, cách sử dụng của các loại động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể.

Trên cơ sở các chủ điểm chính, mỗi bài học được chia thành 4 phần. Phần I: tổng hợp chung về 1 chủ điểm ngữ pháp, bài tập luyện tập củng cố. Phần II: Listening Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng Nghe mô tả tranh, Nghe câu hỏi và cách đáp lại câu hỏi, Nghe các đoạn hội thoại ngắn. Phần III: Reading Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng đọc hoàn thành câu, đọc các đoạn văn về chủ điểm cuộc sống đời

thường, đọc các lá thư giao dịch thương mại. Phần 4: Speaking, giới thiệu về một chủ đề nhất định, luyện tập kỹ năng nói. Mỗi bài học đều có phần củng cố và luyện tập toàn bộ nội dung bài học đó.

11. Tiếng Anh 4

Học phần gồm 24 bài học luyện kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC về các chủ điểm: văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm và 2 bài thi theo định dạng TOEIC,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành,

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: công nghệ, phương tiện giao thông, công việc, du lịch, mua sắm,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi đáp và nghe đoạn hội thoại, đọc thoại, đoạn phỏng vấn. Kỹ năng đọc yêu cầu sinh viên hoàn thành câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu một hoặc hai đến 3 đoạn văn để trả lời câu hỏi. Các đoạn văn về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận,...

12. Tiếng Anh ngành Kế toán

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán giúp học viên nâng cao trình độ Anh ngữ cũng như khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc kế toán một cách hiệu quả. Ngoài ra, môn học xây dựng nền tảng vững chắc về hệ thống từ chuyên ngành và kiến thức cơ bản ngành nghề kế toán giúp học viên thành công trong công việc sau khi tốt nghiệp.

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán nâng cao khả năng nghe hiểu & đọc hiểu thông qua việc phân tích các cấu trúc câu ở các bài nghe, đọc có liên quan tới lĩnh vực kế toán đồng thời củng cố kỹ năng viết luận ở cấp độ cơ bản và nâng cao kỹ năng nói và thảo luận các kiến thức, tình huống liên quan tới công việc kế toán.

13. Tiếng Trung 1

Học phần gồm 13 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phiên âm và chữ viết tiếng Trung: phát âm, cách đọc biến âm, phiên âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

- Từ vựng: Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới, mẫu câu thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày (chào hỏi, hỏi địa điểm, xác nhận tên đồ vật, hỏi họ tên, giới thiệu - làm quen, hỏi địa chỉ, món ăn, miêu tả đồ vật, gia đình,...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng “们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少”, cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu chữ “是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

- Bài 1 đến bài 13 mỗi bài đều có kết cấu: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

14. Tiếng Trung 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”; câu chữ “有”; câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn; câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động. Cách dùng cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”; liên từ “或者”; trạng ngữ chỉ thời gian; cấu trúc “又...又.....”; động từ lặp lại. Cách nói ngày tháng năm; giá tiền, số tự nhiên, sự tiến hành của động tác.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 6 phần, bài khóa, từ mới, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

15. Tiếng trung 3

- Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như đi mua đồ, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, đến bưu điện, nói sở thích, cách biểu đạt thời gian thời gian.

- Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách nói ngày tháng năm - giờ, cách nói giá tiền, câu vị ngữ danh từ, câu hỏi lựa chọn, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu kiêm ngữ, sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại, cấu trúc “又...又.....”

- Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

16. Tiếng trung 4

Học phần gồm 6 bài, mỗi bài gồm bốn phần:

一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa

三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ

四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

17. Tiếng trung 5

Mỗi bài gồm bốn phần:

一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa

三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ

四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

18. Toán ứng dụng C1

Học phần Toán ứng dụng C1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, dạng toàn phương.

- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân và ứng dụng vào trong các phân tích kinh tế.

19. Toán ứng dụng C2

Học phần Toán ứng dụng C2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung: Tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng; đạo hàm riêng, vi phân, cực trị của hàm nhiều biến, hàm thuần nhất, hàm ẩn và ứng dụng của nó trong kinh tế; phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, các mô hình phân tích động trong kinh tế.

20. Xác suất thống kê

Học phần Xác suất Thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: Giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, công thức cộng nhân xác suất, công thức Becnulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.

- Lý thuyết thống kê: Lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

21. Quy hoạch tuyến tính

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập bài toán quy hoạch tuyến tính từ các vấn đề kinh tế, vận dụng phương pháp đơn hình, định lý đối ngẫu, phương pháp thế vị, phương pháp truy toán Belman vào giải các lớp bài toán quy hoạch tuyến tính riêng biệt với mục đích tìm phương án tối ưu.

22. Tin học cơ bản 1

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows 7, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.

23. Tin học cơ bản 2

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

24. Giáo dục thể chất 1

- Giáo dục thể chất 1 là học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.

- Nhiệm vụ của học phần Giáo dục thể chất 1 là nhằm trang bị những kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng.

- Thông qua quá trình học tập và rèn luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Người học phát triển tốt các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo.

25. Giáo dục thể chất 2

- GDTC 2 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.

- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.

- Trong học phần GDTC 2 sinh viên được lựa chọn và đăng ký học 1 trong các nội dung sau: bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng rổ.

26. Giáo dục thể chất 3

- GDTC 3 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.

- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.

- Trong học phần GDTC 3 sinh viên được tiếp tục học các môn thể thao đăng ký theo sở thích ở học phần GDTC 2.

27. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Học phần GDQP&AN trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

GDQP-AN góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng sâu sắc, hình thành ý thức quốc phòng đúng đắn, nâng cao trách nhiệm công dân cho sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống tập thể, cùng với các hoạt động khác góp phần đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội. Hoàn thành tốt môn học giáo dục quốc phòng - an ninh là thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước vào cuộc sống, thắp sáng ngọn lửa truyền thống “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc.

28. Kỹ năng 1 và 2

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, nội dung và nguyên tắc của kỹ năng quản lý bản thân; khái niệm, vai trò, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; khái niệm, hình thức, vai trò của kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp và kỹ năng giao tiếp hiệu quả. Hình thành cho sinh viên kỹ năng quản lý bản thân, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp ứng xử, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng kỹ năng trong học tập và trong cuộc sống.

29. Kỹ năng mềm 3 và 4

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng giải quyết vấn đề. Cách thức, quy chế tổ chức và các nguyên tắc làm việc nhóm. Các công việc chuẩn bị cho buổi thuyết trình, các bước tiến hành buổi thuyết trình và quy trình giải quyết vấn đề, ra quyết định. Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc nhóm hiệu quả, phương pháp thuyết trình, cách giải quyết các vấn đề trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

30. Kỹ năng mềm 5 và 6

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò của kỹ năng tư duy, sáng tạo, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc. Các

nội dung quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo và kỹ năng lắng nghe hiệu quả và các nguyên tắc lập kế hoạch hiệu quả. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, biết lắng nghe và cách lập kế hoạch trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

31. Kỹ năng mềm 7 và 8

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, quy trình, kỹ năng tổ chức sự kiện; các yếu tố cần có của người lãnh đạo, vai trò của người lãnh đạo, các bước hoàn thiện khả năng lãnh đạo. Quá trình tìm kiếm việc làm, các kỹ năng để tìm kiếm việc làm. Hình thành cho sinh viên kỹ năng để tổ chức một sự kiện, hoàn thiện các yếu tố cần có của người lãnh đạo, có kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng và tích cực tìm kiếm việc làm.

32. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (3,2,1)

Nội dung học phần: trang bị kiến thức về việc hướng dẫn các nguyên tắc cơ bản trong hạch toán kế toán từng trường hợp cụ thể: kế toán vốn bằng tiền, các phương pháp tính giá trong kế toán hàng tồn kho, các quy định về việc lập và gửi báo cáo tài chính.

33. Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing – mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

34. Kinh tế vi mô

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô như: Vấn đề khan hiếm; chi phí cơ hội; những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

35. Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế vĩ mô nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng này và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường. Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách vĩ mô của nhà nước. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được

36. Luật kinh tế

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

37. Lý thuyết tài chính (2,2,0)

Môn học Lý thuyết tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính, về các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian như: Bảo hiểm, tín dụng, về Thị trường tài chính và Tài chính quốc tế.

38. Lý thuyết thống kê (3,2,1)

Thống kê học là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất, tính qui luật của hiện tượng, thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Nguyên lý thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như các phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

39. Đề án Nguyên lý kế toán A

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan về hệ thống ghi chép ban đầu của kế toán, đó là phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần nguyên lý kế toán A, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các học phần về kế toán khác.

40. Kế toán quản trị

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn và phân tích tài chính doanh nghiệp.

41. Kiểm toán căn bản

Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán, kiểm toán là gì, các khái niệm cơ bản trong kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, các bước trong kiểm toán, khái niệm kiểm toán viên, các chuẩn mực kiểm toán, các báo cáo kết quả kiểm toán, các ý kiến có thể đưa ra trong báo cáo kiểm toán.

42. Nguyên lý kế toán A

Nguyên lý kế toán là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, vai trò của kế toán và các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các môn học kế toán.

43. Phân tích báo cáo tài chính

Phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mục tiêu, chức năng, đối tượng của phân tích báo cáo tài chính. Hệ thống các báo cáo tài chính hiện hành của doanh nghiệp. Phân tích tình hình nguồn vốn, chính sách tài trợ, phân tích cơ cấu đầu tư. Phân tích sự biến động và cơ cấu vốn. Phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp. Phân tích và dự báo rủi ro về tài chính trong doanh nghiệp. Dự báo tình hình tài chính, phân tích khả năng sinh lời, tăng trưởng và định giá doanh nghiệp.

44. Quản trị tài chính

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị vốn cố định, vốn lưu động; chi phí, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp, cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn; giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp.

45. Luật kế toán

Nội dung học phần: trang bị kiến thức cơ bản về luật kế toán Việt nam, bao gồm các quy định về việc tổ chức bộ máy kế toán, sử dụng chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, phương pháp ghi sổ kế toán, các cách sửa chữa sai sót trong kế toán, việc sử dụng, lập và gửi các báo cáo tài chính, các công tác kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản và các quy định khác liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp.

46. Thống kê kinh tế

Thống kê kinh tế cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

47. Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ

Môn học Kế toán thương mại và dịch vụ cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về kế toán doanh nghiệp thương mại và kế toán xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp như: kế toán nghiệp vụ mua hàng, kế toán nghiệp vụ bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, kế toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp.

48. Kế toán thuế

Môn học trang bị cho sinh viên các nguyên tắc kế toán, phương pháp hạch toán, quyết toán và lập tờ khai các loại thuế như thuế: Giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp...phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

49. Kế toán chi phí

Kế toán chi phí cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chi phí sản xuất của doanh nghiệp, các phương pháp phân bổ chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và các phương pháp tính giá thành sản phẩm.

50. Thuế

Trang bị kiến thức cơ bản về thuế nhà nước bao gồm: thuế giá trị gia tăng; thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài sản; phí và lệ phí.

51. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán trong doanh nghiệp cũng như các phương pháp ghi chép sổ sách kế toán ở từng phân hệ kế toán: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản và đầu tư, kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ, kế toán bán hàng, kế toán xác định kết quả và lập báo cáo tài chính.

52. Kế toán doanh nghiệp A1

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định khoản và phân ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán có liên quan đến kế toán tiền mặt tại quỹ, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong doanh nghiệp.

53. Kế toán doanh nghiệp A2

Kế toán doanh nghiệp A2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

54. Kế toán doanh nghiệp A3

Kế toán tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh; nội dung, nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

55. Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất

Trang bị những kiến thức cơ bản về cách sử dụng kế toán máy trong doanh nghiệp sản xuất, giúp sinh viên có thể tiếp cận được cách làm kế toán bằng phần mềm tại các

doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Cập nhật danh mục các đối tượng vào phần mềm, kế toán hàng tồn kho, kế toán lương, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền, kế toán giá thành và kế toán xác định kết quả sản xuất tại các doanh nghiệp sản xuất.

56. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm hạch toán kế toán trong doanh nghiệp nông nghiệp, kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả, phương pháp lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp nông nghiệp.

57. Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thị trường chứng khoán như chức năng, công cụ, mục tiêu, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; các phương thức hoạt động của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các phương pháp phân tích và khả năng đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán; một số nội dung cơ bản về thị trường trái phiếu quốc tế và việc phát hành trái phiếu quốc tế.

58. Bảo hiểm

Bảo hiểm là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm, các loại bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường biển; Bảo hiểm thân tàu thuỷ; Bảo hiểm xa cơ giới; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm cháy; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm thất nghiệp.

59. Kế toán hành chính sự nghiệp

Nội dung môn học Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về kế toán công trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như: Kế toán tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, kế toán tài sản cố định, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán nguồn kinh phí, vốn, kế toán các khoản thu, chi và quyết toán kinh phí

60. Kế toán xây dựng cơ bản

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm hạch toán kế toán trong xây dựng cơ bản, phương pháp hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tập hợp chi phí và các phương pháp ghi sổ theo các hình thức kế toán trong hoạt động xây dựng cơ bản.

61. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kế toán ngân hàng thương mại như: tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán qua ngân hàng, kinh

doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế, tài sản cố định và công cụ lao động, kế toán vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

62. Đề án Kế toán doanh nghiệp

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan về kế toán tại các doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong môn học kế toán doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

63. Phân tích hoạt động kinh tế

Môn học cung cấp : Phân tích hoạt động kinh doanh là môn học nghiên cứu quá trình sản xuất kinh doanh, bằng những phương pháp liên kết, kết hợp với các lý thuyết kinh tế và phương pháp khác nhằm đến việc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh....

64. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

65. Thực tập chuyên đề

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Kế toán có cơ hội tiếp cận với bộ máy quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, nhân sự, bộ máy kế toán, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập

66. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; Vận dụng kiến thức đã học vào công tác kế toán thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Kế toán có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; Rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

67. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.

Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

68. Đề án kế toán thuế

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng xác định các loại thuế phải nộp, hạch toán, kê khai và quyết toán các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp đúng quy định hiện hành. Sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

69. Lập báo cáo tài chính

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập báo cáo tài chính như: nội dung của lập báo cáo tài chính, các loại báo cáo tài chính, nguyên tắc lập, thời hạn nộp báo cáo tài chính, nơi nộp báo cáo tài chính. Các phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp, phương pháp lập bảng cân đối kế toán đối với doanh nghiệp hoạt động liên tục và doanh nghiệp hoạt động không liên tục, phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ..Từ đó giúp sinh viên lập được báo cáo tài chính doanh nghiệp cung cấp thông tin tư vấn cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

70. Kiểm toán báo cáo tài chính

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản, kế toán doanh nghiệp

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách lập kế hoạch kiểm toán, kiểm toán mua hàng, bán hàng, kiểm toán tiền lương, tài sản cố định, kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho, kiểm toán huy động vốn, kiểm toán báo cáo tài chính...

71. Kế toán ngân sách và tài chính xã

Kế toán ngân sách và tài chính xã là môn khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung công tác kế toán, tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ngân sách và tài chính xã thông qua các phần hành kế toán cụ thể. Đồng thời, cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách và tài chính xã.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Nguyễn Minh Tuấn	1977	Tiến sĩ Tài chính ngân hàng	1. Thị trường chứng khoán 2. Phân tích báo cáo tài chính
2.	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Kinh tế vĩ mô

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
3.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Luật kinh tế
4.	Ngô Thị Luyện	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học
5.	Vũ Thị Hương	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Soạn thảo văn bản 2. Khởi nghiệp kinh doanh
6.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Soạn thảo văn bản
7.	Nguyễn Thị Thủy	1986	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê
8.	Đinh Thị Kim Thiết	1980	Thạc sĩ Kinh tế	1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 2. Kế toán ngân sách và tài chính xã 3. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 4. Kế toán Hành chính sự nghiệp 5. Thuế 6. Kế toán thuế 7. Kế toán xây dựng cơ bản 8. Kế toán chi phí
9.	Nguyễn Thị Quỳnh	1986	Thạc sĩ Kế toán	1. Quản trị tài chính 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 4. Thị trường chứng khoán 5. Kế toán ngân sách và tài chính xã 6. Kế toán hành chính sự nghiệp 7. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 8. Kế toán xây dựng cơ bản
10.	Vũ Thị Thanh Thủy	1984	Thạc sĩ Kế toán	1. Thuế 2. Nguyên lý kế toán 3. Kế toán chi phí 4. Kế toán DN vừa và nhỏ 5. Kiểm toán báo cáo tài chính 6. Kiểm toán căn bản 7. Kế toán tin trong DNSX

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				8. Bảo hiểm
11.	Vũ Thị Lý	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán căn bản 2. Quản trị tài chính 3. Quản trị tài chính doanh nghiệp 4. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 5. Kế toán quản trị 6. Lý thuyết tài chính
12.	Lương Thị Hoa	1989	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Thị trường chứng khoán 4. Lý thuyết tài chính 5. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng 6. Bảo hiểm
13.	Nguyễn Thị K. Nguyên	1974	Tiến sĩ Kinh tế	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh
14.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ Kinh tế	1. Giao tiếp trong kinh doanh 2. Kỹ năng giao tiếp 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Kỹ năng thích ứng 5. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 6. Kinh tế chính trị Mác-Lênin.
15.	Nguyễn Thanh Tú	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 2. Nguyên lý kế toán 3. Kế toán chi phí
16.	Vương Thị Thuý Huyền	1984	Thạc sĩ Kinh tế	1. Quản trị tài chính 2. Thị trường chứng khoán 3. Lý thuyết tài chính 4. Thuế
17.	Lưu Thị Loan	1984	Thạc sĩ Kinh tế	1. Luật kinh tế 3. Marketing căn bản
18.	Vũ Thị Thanh Huyền	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Quản trị tài chính 2. Thị trường chứng khoán 3. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng
19.	Đặng Thị Dương	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 2. Thuế 3. Phân tích báo cáo tài chính
20.	Đào Văn Dậy	1985	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3) 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán chi phí

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				4. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp
21.	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng làm việc nhóm 6. Kỹ năng thích ứng
22.	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 5. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 6. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 7. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
23.	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ Kinh tế chính trị	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 4. Kỹ năng lãnh đạo
24.	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
25.	Nguyễn Đức Thuận	1989	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
26.	Quán Thanh Tùng	1990	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
27.	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sĩ QLTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
28.	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
29.	Vũ Văn Chương	1973	Thạc sĩ Cơ khí	Giáo dục quốc phòng và an ninh.
30.	Phạm Xuân Đức	1980	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				5. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 6. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 7. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
31.	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
32.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ Triết học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 5. Kỹ năng lãnh đạo
33.	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ Triết học	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Triết học Mác - Lênin 3. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 4. Kỹ năng lãnh đạo
34.	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sĩ Luật học	1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng giao tiếp 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Kỹ năng thích ứng
35.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng làm việc nhóm 6. Kỹ năng thích ứng
36.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ Lịch sử	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng mềm
37.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương; 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác – Lênin 4. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 5. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 6. Kỹ năng tư duy sáng tạo –Phản biện

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
38.	Nguyễn Thị Tình	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 4. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 5. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
39.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 4. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 5. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
40.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
41.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1980	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
42.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
43.	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
44.	Nguyễn Kiều Hiên	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
45.	Đặng Thị Minh Phương	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
46.	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
47.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
48.	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
49.	Trần Hoàng Yên	1982	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
50.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
51.	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
52.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
53.	Nguyễn Thị Hoa	1981	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
54.	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
55.	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
56.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
57.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh, tiếng Nhật	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5
58.	Hoàng Thị An	1987	Thạc sĩ KH máy tính	Tin học cơ bản 1,2
59.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
60.	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
61.	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
62.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Tin học cơ bản 1,2
63.	Phạm Thị Hường	1981	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
64.	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ KH học máy tính	Tin học cơ bản 1,2
65.	Nguyễn Phúc Hậu	1982	Tiến sĩ Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học cơ bản 1,2
66.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1,2

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng kế toán tin	7	Máy tính FPT Elead M533 E7500
		6	Máy tính để bàn đồng bộ FPT E7500

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		2	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		8	Máy tính để bàn (Sing pc)
		1	Máy tính Elead E965 core i3 550-3-2
		1	Máy chiếu đa năng 3Mx76
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Bình cứu hoả
		2	Bục giảng
		4	Quạt trần
		1	Điều hoà nhiệt độ Casper
		1	Điều hoà nhiệt độ Galanz
2	Phòng thực hành Quản trị	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT ELEAD core i3 3220
		6	Ghế khách hàng
		6	Ghế nhân viên
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
1	Bảng viết 1,5 x 2,5m		
3	Phòng thực hành Kế toán	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT S989 core i3 3220
		1	Máy tính ELEAD E965 core i3 550-3-2
		7	Ghế khách hàng (chân quỳ khung mạ)
		7	Ghế nhân viên (xoay da màu đen)

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của giảng viên và sinh viên. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên tĩnh, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Phòng dữ liệu số được cứu bố trí 20 máy tính với phần mềm Libol. Thư viện số của Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm có bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của giảng viên, sinh viên.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin		”	2018
1.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh		”	2018
2.	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam		”	2009
3.	Giáo trình Pháp luật đại cương		”	2014
4.	Giáo trình Kỹ năng mềm		”	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
5.	Giáo trình Toán ứng dụng C1		”	2018
6.	Giáo trình Toán ứng dụng C2		”	2018
7.	Giáo trình Xác suất Thống kê		”	2018
8.	Giáo trình Tin học cơ bản 1		”	2018
9.	Giáo trình Tin học cơ bản 2		”	2018
10.	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học		”	2018
11.	Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh		”	2018
12.	Giáo trình Tâm lý học đại cương		”	2018
13.	Giáo trình Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh		”	2018
14.	Giáo trình Chuẩn mực kế toán Việt Nam		”	2018
15.	Giáo trình Marketing căn bản		”	2018
16.	Giáo trình Kinh tế vi mô		”	2018
17.	Giáo trình Kinh tế vĩ mô		”	2018
18.	Giáo trình Luật kinh tế		”	2018
19.	Giáo trình Lý thuyết tài chính		”	2018
20.	Giáo trình Lý thuyết thống kê		”	2018
21.	Giáo trình Kế toán quản trị		“	2018
22.	Giáo trình Kiểm toán căn bản		“	2018
23.	Giáo trình Nguyên lý kế toán		“	2018
24.	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính		“	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
25.	Giáo trình Quản trị tài chính		“	2018
26.	Giáo trình Luật kế toán		“	2018
27.	Giáo trình Thống kê kinh tế		“	2018
28.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ		“	2018
29.	Giáo trình Kế toán thuế		“	2018
30.	Giáo trình Kế toán chi phí		“	2018
31.	Giáo trình Thuế		“	2018
32.	Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp		“	2018
33.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A1		“	2018
34.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A2		“	2018
35.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A3		“	2018
36.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp A4		“	2018
37.	Giáo trình Lập báo cáo tài chính		“	2018
38.	Giáo trình Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất		“	2018
39.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp		“	2018
40.	Giáo trình Thị trường chứng khoán		“	2018
41.	Giáo trình Bảo hiểm		“	2018
42.	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp		“	2018
43.	Giáo trình Kế toán xây dựng cơ bản		“	2018
44.	Giáo trình Nghiệp vụ kế toán ngân hàng		“	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
45.	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh tế		“	2018
46.	Giáo trình Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ		“	2018
47.	Giáo trình Kế toán ngân sách và tài chính xã		“	2018
48.	Giáo trình Kế toán quốc tế		“	2018
49.	Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính		“	2018
II	Giáo trình tham khảo			
50.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2016
51.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	CTQG	2006
52.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	2000
53.	Toàn tập, Tập 20	C.Mác và Ph.Ăngghen	CTQG	2004
54.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2016
55.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	2006
56.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia	2000
57.	Toàn tập, Tập 25	C. Mác và Ph.Ăngghen	Chính trị quốc gia	1999
58.	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia	2010
59.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2008
60.	Văn kiện Đại hội Đảng XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2011
61.	Văn kiện Đại hội Đảng XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2016
62.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia	2002
63.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Việt Thông	Chính trị quốc gia	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
64.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia	2010
65.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng LLTW	Chính trị quốc gia	2003
66.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Đảng Cộng sản	Chính trị quốc gia	2016
67.		Việt Nam		
68.	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Văn Động	Giáo dục	2009
69.	Hiến pháp nước CHXHCNVN		NXB Chính trị Quốc gia sự thật	2017
70.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Thị Thanh, Hoàng Thị Giang	NXB Tài chính	2009
71.	Quản trị Marketing	Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc	2012
72.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	2009
73.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và	Bùi Kim Chi,	Chính trị - Hành chính.	2010
74.		Phan Công Luận		
75.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
76.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	Đại học quốc gia Hà Nội	2012
77.	Real life – Elementary – Students’ book.	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	
78.	Very Easy TOEIC, second edition.	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	
79.	Taking the TOEIC Skills and Strategies.	Peggy Anderson, Mary Katherine Chadwick,	Compass publishing	
80.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2010
81.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong, Park Won	TP. Hồ Chí Minh	2017
82.	Từ điển kỹ thuật Điện Anh Việt	Đỗ Hoàng Đạt	Khoa học và kỹ thuật	1999
83.	Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering.	Eric H. Glendinning, Norman Glendinning	Oxford University Press	1995

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
84.	汉语会话301句	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	Khoa học xã hội	2010
85.	Giáo trình Hán ngữ 1	Trần Thị Thanh Liêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
86.	Giáo trình Hán ngữ 2	Trần Thị Thanh Liêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
87.	Giáo trình Hán ngữ 3	Trần Thị Thanh Liêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
88.	Nhật ngữ sơ cấp - Luyện tập mẫu câu.	Mina No Nihongo	Thời đại	2013
89.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ	Giáo dục	2018
90.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ	NXB Giáo dục	2018
91.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ		2018
92.	Lý thuyết xác suất & Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Ngô Văn Thứ và Trần Thái	ĐHKQTĐ	2018
93.	Xác suất nâng cao	Đặng Hùng Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2013
94.	Giáo trình Tin học đại cương	Bùi Thế Tâm		2007
95.	Giáo trình điền kinh	Phạm Khắc Học	Thẻ dục thể thao	2004
96.	Luật thi đấu điền kinh	Tổng cục TDTT	Thẻ thao và Du lịch	2018
97.	Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia.	Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng	Quân đội nhân dân	2007
98.	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 1)	Đào Huy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hường	Giáo dục Việt Nam	2013
99.	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 2)	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục Việt Nam	2013
100.	Giáo trình Điền kinh	Phạm Khắc Học	Thẻ dục thể thao	2004
101.	Luật thi đấu Điền kinh	Tổng cục TDTT	Thẻ dục thể thao	2013
102.	Giáo trình bóng chuyền	Đình Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính	Thẻ dục thể thao	2006
103.	Luật Bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	Thẻ dục thể thao	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
104.	Giáo trình bóng đá		ĐH Đà Lạt	2011
105.	Luật bóng rổ	Tổng cục TDTT	Thẻ dực thể thao	2013
106.	Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Hồng,	ĐH sư phạm TP. Hồ Chí	2008
107.		Trần Việt Dũng		
108.	Lý luận và phương pháp TDTT.	Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn	Thẻ dực thể thao	2006
109.	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển.	Tổng cục TDTT	Thẻ dực thể thao	2013
110.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia	2010
111.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin	2009
112.	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà	Khuyên Trần	Khoa học xã hội	2016
113.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính	Vũ Minh Tân dịch	Khoa học xã hội	2016
114.	Những người thành công tin tưởng vào điều gì	Thanh Tuyên dịch	Lao động - Xã hội	2018
115.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	Thanh niên	2010
116.	Quản lý nhân sự	Đình Phúc , Khánh Linh	Tài chính	2007
117.	Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
118.	Phương pháp hoạch định chiến lược	Hương Huy	Giao thông vận tải	2007
119.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	Nguyễn Văn Dàn, Nguyễn Hồng Nhung	Tài chính	2014
120.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Dàn	Tài chính	2008
121.	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Công	Lao động	2010
122.	Giáo trình Pháp luật kinh tế	TS Nguyễn Hợp Toà	ĐHKQTĐ	2015
123.	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	PGS. TS Nguyễn Thị Kim Thuý	Lao động xã hội	2012

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
124.	Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân	Tài chính	2008
125.	Giáo trình phương pháp tối ưu trong kinh doanh	TS. Trần Việt Lâm	Đại học Kinh tế Quốc dân	2010
126.	Toán kinh tế.	PGS. Bùi Minh Trí	Bách Khoa Hà Nội	2008
127.	Marketing căn bản	GS,TS. Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
128.	Các kỹ năng quản trị dành cho lãnh đạo doanh nghiệp	Trần Thị Vân Hoa	Bộ KH&ĐT	2012
129.	Kỹ năng quản trị	Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung	ĐHKQTĐ	2011
130.	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	TS. Trịnh Quốc Trun	Lao động - Xã hội	2012
131.	Giáo trình Thương mại quốc tế	TS. Trần Văn Hòe, TS. Nguyễn Văn Tuấn	ĐHKQTĐ	2014
132.	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản	TS. Trần Văn Hòe	Tài chính	2010
133.	Thương mại điện tử hiện đại	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải	Tài chính	2015
134.	Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương	Bách Khoa Hà Nội	2017
135.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Bộ Tài chính		2014
136.	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	Tài chính	2018
137.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	TS. Nguyễn Trung Trực	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2015
138.		Phạm Quang Trung		
139.	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	Phạm Thanh Long, Vũ Thị Thanh Thủy	Chính trị Quốc gia Sự thật	2018
140.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng	Tài chính	2018
141.	Giáo trình quản trị nhân lực.	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân	ĐHKQTĐ	2012
142.	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 1	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2017
143.	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2013

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
144.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	TS Nguyễn Thành Hiến	ĐHKQTĐ	2010
145.	Giáo trình Quản lý chất lượng	Ngô Phúc Mạnh	KHKT	2011
146.	Giáo trình Quản trị kinh doanh	GS.TS Nguyễn Thành Độ PGS.TS Nguyễn Ngọc	ĐHKQTĐ	2007
147.	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 1	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2017
148.	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2013
149.	Bài tập quản trị Chiến lược	PGS.TS Ngô Kim Thanh	ĐHKQTĐ	2015
150.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2010
151.	Bài tập Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Trần Đức Lộc	NXB Tài chính	2009
152.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2010
153.	Bài tập Quản trị tác nghiệp	ThS. Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2011
154.	Quản trị bán hàng	Trần Thị Thập	TT&TT	2012
155.	Quản trị thương hiệu	TS. Phạm Thị Lan Hương	Tài chính	2014
156.	Giáo trình thương hiệu với nhà quản lý		ĐHTM	2013
157.	Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	TS.Hoàng Văn Quỳnh, Trần Mạnh Dũng	Tài chính	2013
158.	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Th.S Lương Văn Úc	ĐHKQTĐ	2011
159.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2010
160.	Giáo trình Quản trị kinh doanh	GS.TS Nguyễn Thành Độ, PGS.TS Nguyễn Ngọc	ĐHKQTĐ	2016
161.	Quản trị nhân lực	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân ThS. Nguyễn Vân	ĐHKQTĐ	2017
162.	Quản trị tác nghiệp	PGS.TS Trương Đức Lực, ThS. Nguyễn Đình Chung	ĐHKQTĐ	2017
163.	Giáo trình Kinh tế môi trường	Nguyễn Đức Lợi	Tài chính	2013

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
164.	Kinh tế Môi trường	Đoàn Thị Lan Phương	Thông tin và truyền thông.	2011
165.	Nghiệp vụ thư ký văn phòng, Viện Đào tạo – Nghiên cứu về Tổ chức và Hành	GS. TS Nguyễn Hữu Tri	KH&KT	2006
166.	Bài giảng Văn hóa kinh doanh	PSG. TS Dương Thị Liễu	ĐHKQTĐ	2006
167.	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	PGS. TS Dương Thị Liễu	ĐHKQTĐ	2011
168.	Bài tập và bài giải môn nguyên lý kế toán	Nguyễn Hải Hà	NXB Tri thức	2014
169.	Bài tập và lời giải kế toán doanh nghiệp	Nguyễn Thị Dung	NXB Tri thức	2015
170.	BT & BG Kế toán chi phí	Huỳnh lợi	NXB Kinh tế TP HCM	2018
171.	BT BG phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	NXB Kinh tế TPHCM	2014
172.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	Trần Mạnh Dũng	NXB Tài chính	2018
173.	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
174.	Học nguyên lý kế toán theo phương pháp tiếp cận mới	Vũ Thanh Chương	NXB Tri thức	2014
175.	Giáo trình thực hành excel dùng cho các phiên bản 2016-2013-2010	Phạm Quang Hiển	NXB Lao Động	2017
176.	Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Phạm Văn Dược TS. Huỳnh Đức Long	NXB Kinh tế TP. Hồ chí Minh	2015
177.	GT Lý thuyết tài chính – tiền tệ	PGS.TS. Lê Thị Tuyết Hoa TS. Đặng Văn Dân	NXB Kinh tế TP. Hồ chí Minh	2017
178.	Kế toán chi phí	TS. Đoàn Ngọc Quế PGS.TS. Phạm Văn Dược	NXB Kinh tế TP. Hồ chí	2015
179.	Luật kế toán		NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	2018
180.	Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
181.	Hướng dẫn chế độ kế toán xã phường thị trấn	PGS.TS. Phạm Văn Đăng Ths. Nguyễn Văn Dương	NXB Tài chính	2018
182.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Công nghiệp – Nông nghiệp &	TS. Đinh Phúc Tiểu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2016

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Kế toán, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khoá như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Kế toán; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành Kế toán. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11,...	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
4	Đi thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất	Tập trung nhóm	Năm học thứ 3 hoặc thứ 4 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Hoạt động thư viện (Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn, tìm kiếm thông tin ngành theo học trên Internet

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Kế toán và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Nhung